

TRƯỜNG THCS CHÁNH HƯNG

TRỌNG TÂM GD&ĐT 9

(TUẦN 23 ĐẾN TUẦN 24 – 17/02 – 27/02/2021)

*Tuần 23

(Các em đọc sgk kết hợp ghi bài)

Phần nội dung bài học các em ghi vào tập

Phần bài tập các em làm phía sau tập gd&ĐT)

Bài 14: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ LAO ĐỘNG CỦA CÔNG DÂN

I. Đặt vấn đề:

(Đọc phần đặt vấn đề và trả lời câu hỏi sgk)

II. Nội dung bài học:

1. Lao động là gì?

- Là hoạt động có mục đích của con người nhằm tạo ra của cải vật chất và giá trị tinh thần cho xã hội.
- Là hoạt động chủ yếu, quan trọng nhất của con người.
- Là nhân tố quyết định sự tồn tại, phát triển của đất nước và nhân loại.

2. Lao động là quyền và nghĩa vụ của công dân.

a. Lao động là quyền của công dân.

Công dân có quyền tự do :

- + Sử dụng sức lao động của mình để học nghề, tìm kiếm việc làm,
- + Lựa chọn nghề nghiệp có ích cho xã hội, đem lại thu nhập cho bản thân và gia đình.

b. Lao động là nghĩa vụ của công dân:

- Lao động là phương tiện để tự nuôi sống bản thân và gia đình.

– Góp phần sáng tạo ra của cải vật chất và tinh thần cho xã hội, duy trì và phát triển đất nước.

3.Trách nhiệm của Nhà nước:

– Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để thu hút vốn đầu tư giải quyết việc làm cho người lao động.

– Khuyến khích, tạo thuận lợi và giúp đỡ các hoạt động tạo ra việc làm, tự tạo việc làm, dạy nghề và học nghề.

4.Quy định của pháp luật về lao động đối với trẻ em.

– Cấm nhận trẻ em chưa đủ 15 tuổi vào làm việc.

– Cấm sử dụng lao động dưới 18 tuổi làm những công việc nặng nhọc, nguy hiểm ...

–Cấm lạm dụng sức lao động của người lao động dưới 18 tuổi.

– Cấm cưỡng bức, ngược đãi người lao động.

III- Bài tập:

Câu 1. Em đồng ý với ý kiến nào sau đây về quyền và nghĩa vụ lao động của công dân?

A. Những người từ 15 tuổi trở lên được quyền lao động.

B. Học sinh còn nhỏ tuổi nên chưa có nghĩa vụ lao động.

C. Mọi người đều có quyền và nghĩa vụ lao động.

D. Những người khuyết tật sẽ được nhà nước hỗ trợ nên không phải lao động.

Câu 2 Theo điều 6 luật Lao Động Việt Nam năm 2014, thì người lao động là người đủ bao nhiêu tuổi ?

A. Đủ 14 tuổi,

B. Đủ 15 tuổi

C. Đủ 16 tuổi

D. Đủ 18 tuổi

Câu 3: Trường hợp nào dưới đây, người sử dụng lao động vi phạm pháp luật

A. Nghỉ dài ngày không có lí do

B. Không trả tiền công theo đúng thỏa thuận.

C. Không sử dụng trang thiết bị bảo hộ lao động

D. Mở trường đào tạo nghề

miễn phí.

Câu 4: Xác định hành vi nào sau đây là hành vi vi phạm pháp luật của người sử dụng lao động ?

- A. Trang bị đầy đủ trang thiết bị bảo hộ lao động
- B. Trả lương đầy đủ hàng tháng.
- C. Đóng bảo hiểm chưa đầy đủ cho người lao động.
- D. Mua bảo hiểm y tế cho người lao động.

Câu 5: Đối với những công việc nặng nhọc nguy hiểm hoặc tiếp xúc với các chất độc hại, Nhà nước cấm sử dụng đối tượng lao động dưới bao nhiêu tuổi?

- A. 14 tuổi
- B. 15 tuổi
- C. 16 tuổi
- D. 18 tuổi

Câu 6. Em tán thành những quan niệm về lao động nào dưới đây ?

- A. Lao động là một sự bắt buộc và nhàm chán.
- B. Không có công việc nào là thấp hèn, chỉ những người lười nhác, không chịu lao động mới đáng xấu hổ.
- C. Lao động chân tay thì không có gì đáng tự hào
- D. Người ta không thể sống mà không có lao động
- E. Nên chọn hình thức lao động nào nhàn hạ mà có thu nhập cao.
- G. Trẻ em con nhà nghèo mới phải lao động.

Câu 7: Câu ca dao “ Có làm thì mới có ăn, không dung ai để đem phần đến cho” nói lên điều gì ?

- A. Phải tìm kiếm việc làm
- B. Phải lao động để nuôi sống , tồn tại và phát triển
- C. Cần sự giúp đỡ mọi người
- D. Đáp ứng yêu cầu của thời đại

***Tuần 24**

BÀI 15: (2 tiết)

VI PHẠM PHÁP LUẬT VÀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ CỦA CÔNG DÂN

I. ĐẶT VẤN ĐỀ :

(Đọc phân đặt vấn đề và trả lời câu hỏi sgk)

II. NỘI DUNG BÀI HỌC

1. Vi phạm pháp luật.

- * Vi phạm pháp luật là :
- + Hành vi trái pháp luật;
- + Có lỗi;
- + Do người có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện, xâm hại đến các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ.

*** Các loại vi phạm pháp luật:**

- Vi phạm pháp luật hình sự.
- Vi phạm luật hành chính.
- Vi phạm luật dân sự.
- Vi phạm kỷ luật.

** Vi phạm pháp luật là cơ sở để xác định trách nhiệm pháp lý.*

2. Trách nhiệm pháp lý:

*** Trách nhiệm pháp lý** là nghĩa vụ đặc biệt mà các cá nhân, tổ chức, cơ quan vi phạm pháp luật phải chấp hành những biện pháp bắt buộc do nhà nước quy định.

*** Các loại trách nhiệm pháp lý :**

- Trách nhiệm hình sự
- Trách nhiệm dân sự
- Trách nhiệm hành chính
- Trách nhiệm kỉ luật

3.Trách nhiệm công dân:

- Chấp hành nghiêm chỉnh hiến pháp và pháp luật.
- Đấu tranh hành vi, việc làm vi phạm hiến pháp và pháp luật.

4. Ý nghĩa trách nhiệm pháp lý:

- Trừng phạt, ngăn chặn, cải tạo, giáo dục người vi phạm pháp luật.
- Giáo dục ý thức tôn trọng và chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật.

Bồi dưỡng lòng tin và pháp luật và công lí trong nhân dân

III. Bài tập:

Câu 1: Vi phạm pháp luật dân sự là hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm tới

- A. các quan hệ công vụ và nhân thân
- B. các quy tắc quản lí nhà nước
- C. các quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân
- D. các quan hệ lao động, công vụ nhà nước

Câu 2: Nhà nước đưa ra trách nhiệm pháp lý là nhằm:

- A. Phạt tiền người vi phạm
- B. Buộc chủ thể vi phạm chấm dứt hành vi trái pháp luật, phải chịu những thiệt hại nhất định; giáo dục răn đe những người khác
- C. Lập lại trật tự xã hội
- D. Ngăn chặn người vi phạm có thể có vi phạm mới

Câu 3: Nghĩa vụ mà các cá nhân, cơ quan, tổ chức vi phạm pháp luật phải chấp hành những biện pháp bắt buộc do Nhà nước quy định được gọi là:

- A. trách nhiệm pháp lí
- B. vi phạm pháp luật
- C. trách nhiệm gia đình
- D. vi phạm đạo đức

Câu 4: “Tội phạm” là người có hành vi vi phạm:

- A. pháp luật dân sự
- B. pháp luật hành chính
- C. pháp luật hình sự
- D. kỉ luật

Câu 5: Người phải chịu trách nhiệm hành chính do mọi vi phạm hành chính mà mình gây ra theo quy định của pháp luật có độ tuổi là:

- A. Từ đủ 18 tuổi trở lên
- B. Từ 18 tuổi trở lên
- C. Từ đủ 16 tuổi trở lên
- D. Từ đủ 14 tuổi trở lên

Câu 6: Hành vi vi phạm pháp luật, gây nguy hiểm cho xã hội, bị coi là tội phạm là hành vi vi phạm pháp luật

- A. hình sự
- B. hành chính
- C. dân sự
- D. kỉ luật

Câu 7: Vi phạm pháp luật hành chính là hành vi vi phạm pháp luật xâm phạm

- A. quan hệ sở hữu tài sản
- B. quyền sở hữu công nghiệp
- C. các quy tắc quản lí của Nhà nước
- D. các quan hệ lao động, công vụ nhà nước

Câu 8: Vi phạm kỉ luật là hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm các quan hệ

- A. hôn nhân và gia đình
- B. nhân thân phi tài sản
- C. chuyển dịch tài sản
- D. lao động, công vụ nhà nước

Câu 9: Hành vi trái pháp luật, có lỗi, do người có năng lực trách nhiệm pháp lí thực hiện, xâm hại đến các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ là khái niệm

- A. vi phạm kỉ luật
- B. vi phạm pháp luật
- C. vi phạm nội quy
- D. vi phạm điều lệ

Câu 10: Người phạm tội phải chấp hành biện pháp nào dưới đây ?

- A. Nhắc nhở
- B. Khiển trách
- C. Cường chế

D. Phê bình

Câu 11: Đối tượng của vi phạm hành chính là:

- A. cá nhân
- B. tổ chức
- C. cá nhân và tổ chức
- D. cơ quan hành chính

Câu 12: Người phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm do mình gây ra có độ tuổi theo quy định của pháp luật là người

- A. từ đủ 14 tuổi trở lên
- B. từ đủ 16 tuổi trở lên
- C. từ 18 tuổi trở lên
- D. từ đủ 18 tuổi trở lên

Câu 13: Dấu hiệu cơ bản của vi phạm pháp luật là ?

- A. Là hành vi trái pháp luật
- B. Do người có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện
- C. Vi phạm pháp luật phải có lỗi
- D. Tất cả ý trên

Câu 14: Cơ quan nào dưới đây có quyền tuyên phạt đối với người phạm tội?

- A. Quốc hội
- B. Chính phủ
- C. Viện Kiểm sát
- D. Tòa án

Câu 15: Công dân bình đẳng về trách nhiệm pháp lý là:

- A. Công dân ở bất kỳ độ tuổi nào vi phạm pháp luật đều bị xử lý như nhau.
- B. Công dân nào vi phạm quy định của cơ quan, đơn vị, đều phải chịu trách nhiệm kỷ luật.
- C. Công dân nào vi phạm pháp luật cũng bị xử lý theo quy định của pháp luật.
- D. Công dân nào do thiếu hiểu biết về pháp luật mà vi phạm pháp luật thì không phải chịu trách nhiệm pháp lý.

Câu 16: Thực hiện trách nhiệm pháp lý đối với người từ đủ 14 đến dưới 18 tuổi là:

- A. Giáo dục, răn đe là chính
- B. Có thể bị phạt tù
- C. Buộc phải cách li với xã hội và không có điều kiện tái hòa nhập cộng đồng.
- D. Chủ yếu là đưa ra lời khuyên.

Câu 17: Người phải chịu trách nhiệm hành chính về mọi vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật có độ tuổi từ đủ:

- A. 14 tuổi trở lên
- B. 15 tuổi trở lên
- C. 16 tuổi trở lên
- D. 18 tuổi trở lên

Câu 18: Cơ sở để truy cứu trách nhiệm pháp lý là:

- A. hành vi vi phạm pháp luật.
- B. tính chất phạm tội.
- C. mức độ gây thiệt hại của hành vi.
- D. khả năng nhận thức của chủ thể.

Câu 19: Người bị bệnh tâm thần có hành vi trái pháp luật có được xem là vi phạm pháp luật không?

- A. Có
- B. Không
- C. Tùy từng trường hợp
- D. Tất cả đều sai

Câu 20: Theo quy định của pháp luật, người phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm theo quy định của pháp luật có độ tuổi từ đủ:

- A. 14 tuổi trở lên
- B. 15 tuổi trở lên
- C. 16 tuổi trở lên
- D. 18 tuổi trở lên

Câu 21: Trường hợp nào dưới đây không bị coi là vi phạm pháp luật ?

- A. Anh T uống rượu say, đi xe máy gây tai nạn.
- B. Bạn M 16 tuổi đi xe đạp điện vô ý không đội mũ bảo hiểm.
- C. Do mâu thuẫn cá nhân, P uống rượu và có ý định đánh G để trả thù.
- D. Chị H sản xuất, buôn bán lương thực, thực phẩm giả.

Câu 22: Hành vi vi phạm các quy tắc, quy chế được xác lập trong một tổ chức, cơ quan, đơn vị là:

- A. vi phạm hành chính
- B. vi phạm dân sự
- C. vi phạm kỷ luật
- D. vi phạm hình sự

Câu 23: P 15 tuổi chơi với một nhóm bạn xấu, có hôm P cùng nhóm bạn này lấy trộm xe máy của hàng xóm. Hành vi của P

- A. vi phạm pháp luật dân sự.
- B. không phải chịu trách nhiệm pháp lí vì chưa đủ tuổi
- C. vi phạm pháp luật hành chính và pháp luật, hình sự...
- D. không bị coi là vi phạm pháp luật vì đang là học sinh